

Số: TVHN-247/DBQG

Hà Nội, ngày 4 tháng 9 năm 2026

## BẢN TIN DỰ BÁO, CẢNH BÁO THỦY VĂN THỜI HẠN NGẮN

### I. Diễn biến xu thế thủy văn

#### 1. Lưu vực sông Hồng

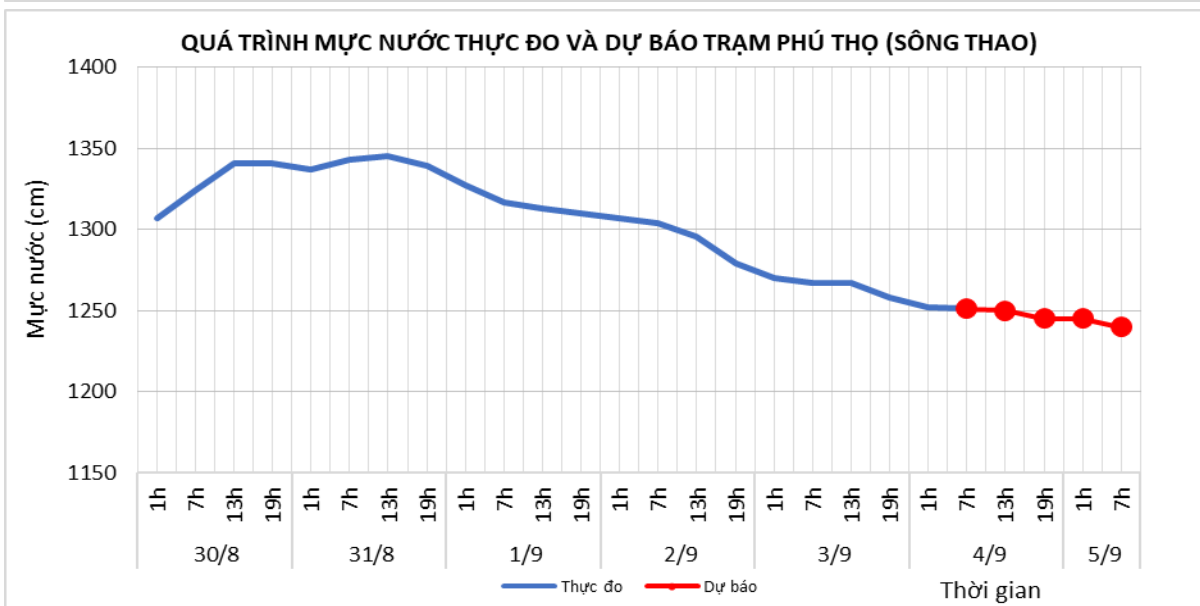
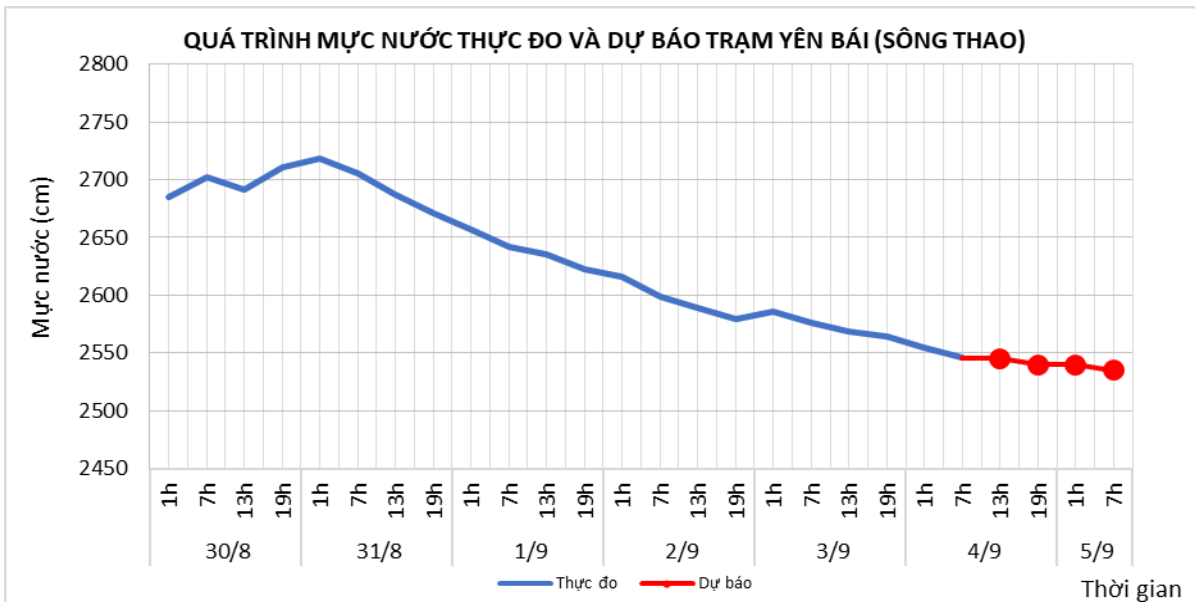
##### 1.1. Sông Thao

###### a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Trên sông Thao, mực nước tại trạm Yên Bái, trạm Phú Thọ đang xuống.

###### b. Dự báo, cảnh báo

Trên sông Thao, mực nước tại trạm Yên Bái, trạm Phú Thọ sẽ biến đổi chậm.



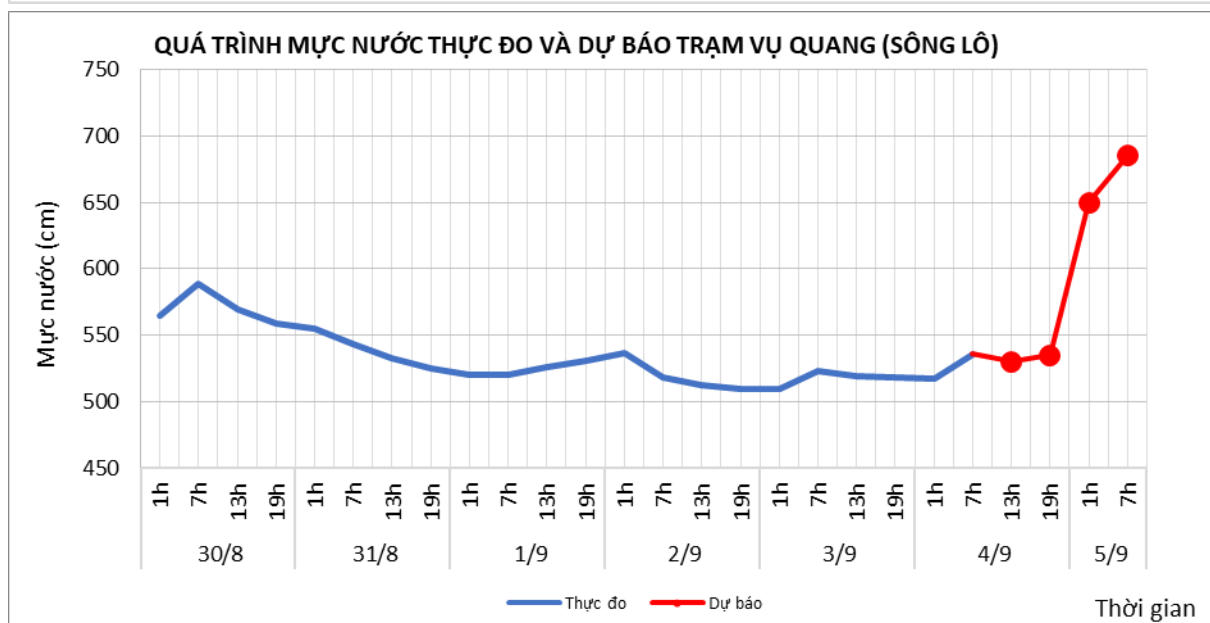
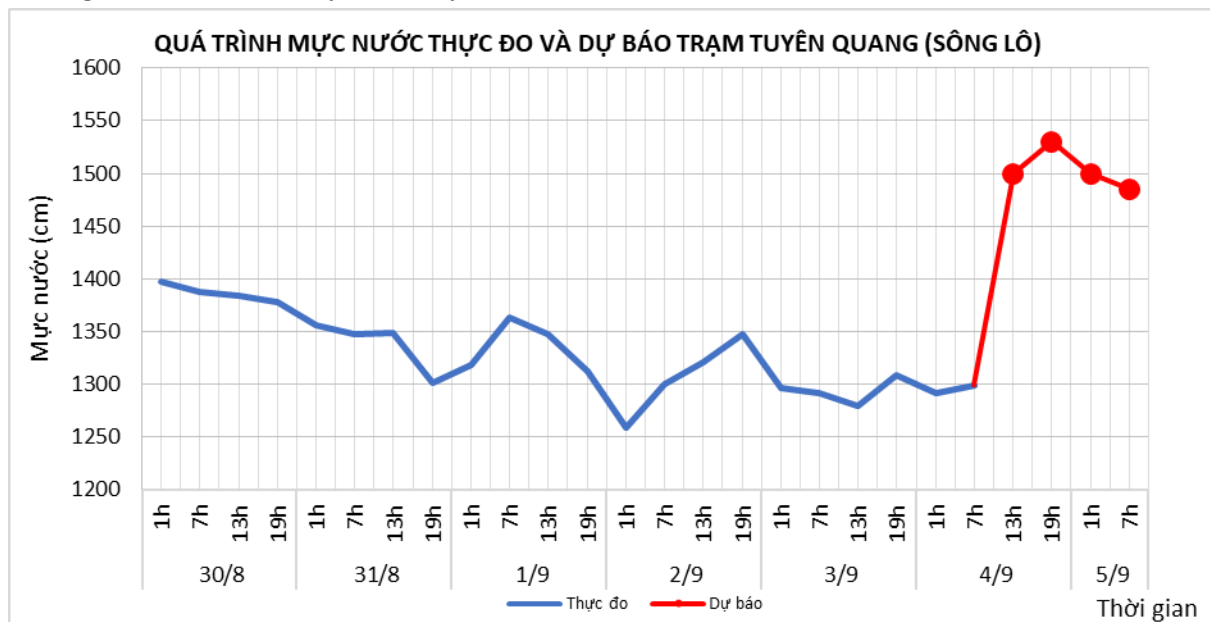
## 1.2. Sông Lô

### a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Trên sông Lô, mực nước tại trạm Tuyên Quang, trạm Vụ Quang đang dao động và chịu ảnh hưởng điều tiết của thủy điện tuyến trên.

### b. Dự báo, cảnh báo

Hạ lưu sông Lô, mực nước tại trạm Tuyên Quang, trạm Vụ Quang tiếp tục chịu ảnh hưởng điều tiết của thủy điện tuyến trên.



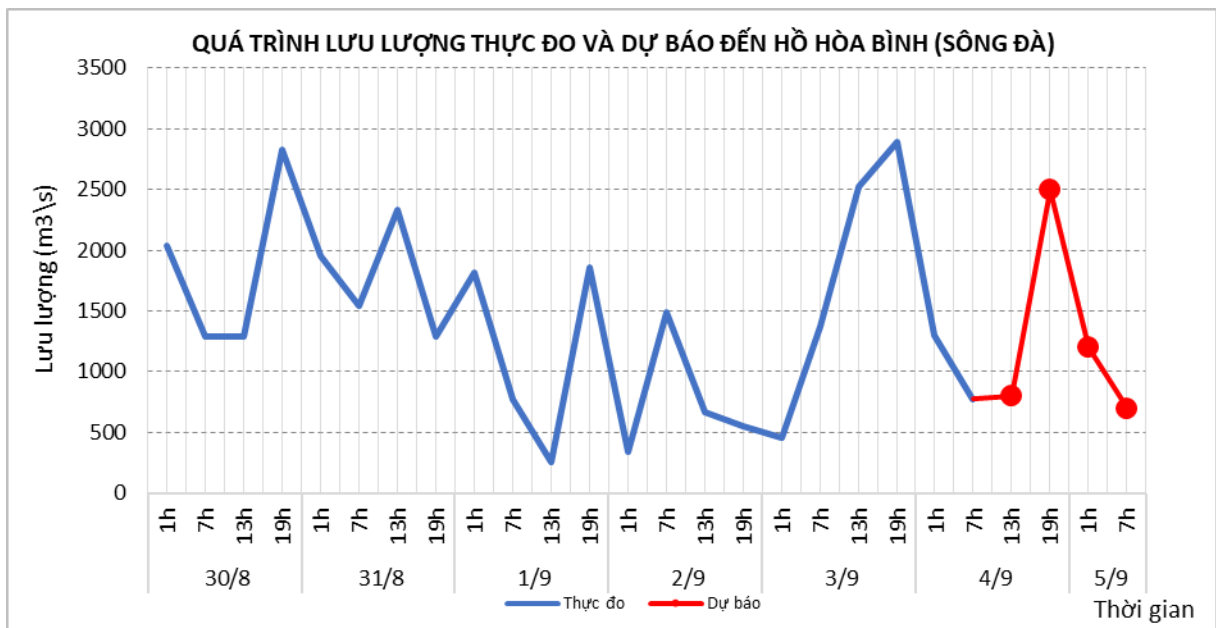
## 1.3. Sông Đà

### a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Lưu lượng đến hồ Hòa Bình dao động do điều tiết của thủy điện tuyến trên.

### b. Dự báo, cảnh báo

Lưu lượng đến hồ Hòa Bình dao động do điều tiết của thủy điện tuyến trên.



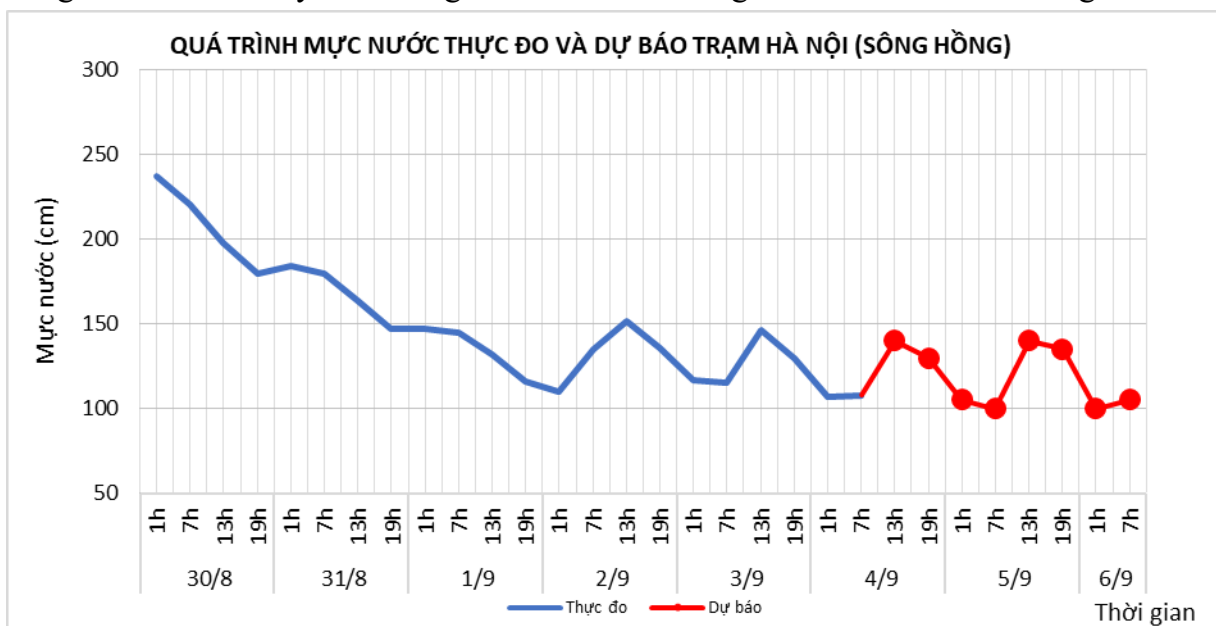
## 1.4. Sông Hồng

### a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Mức nước hạ lưu sông Hồng đang biến đổi chậm và ở mức thấp, mức nước tại trạm thủy văn Hà Nội lúc 7h ngày 04/09 là 1,08m.

### b. Dự báo, cảnh báo

Mức nước hạ lưu sông Hồng tại trạm thủy văn Hà Nội tiếp tục biến đổi chậm và dao động theo chế độ thủy triều cũng như chịu ảnh hưởng điều tiết hồ chứa thượng lưu.



## 2. Lưu vực sông Thái Bình

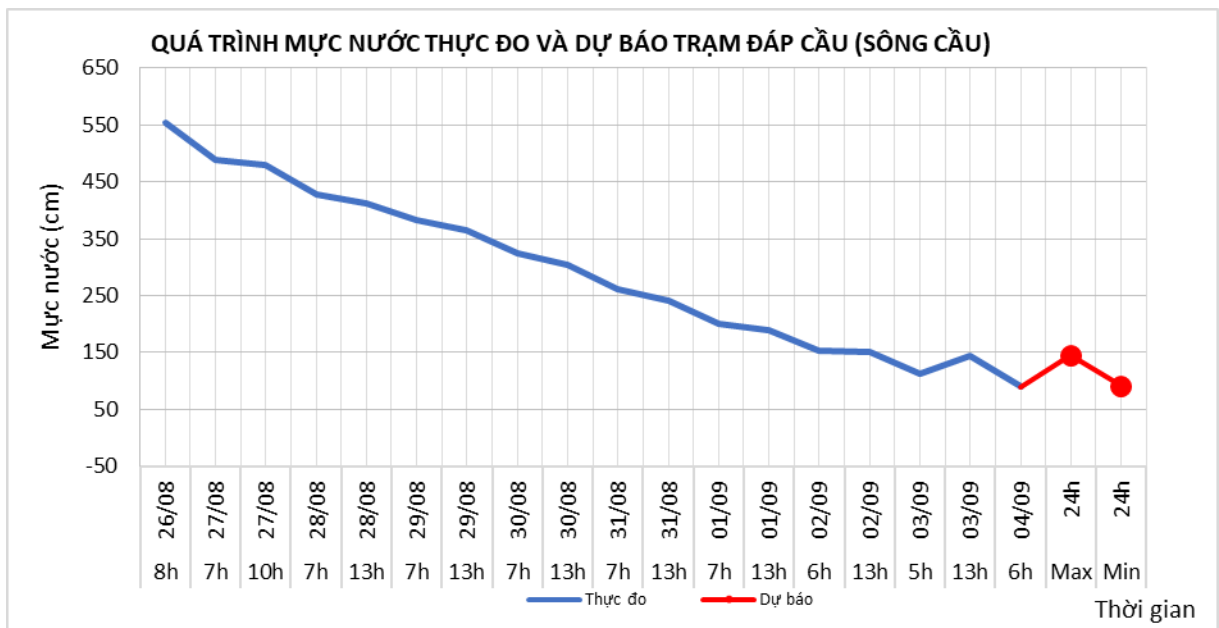
### 2.1. Sông Cầu

#### a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Mức nước trên sông Cầu tại trạm Đáp Cầu đang dao động theo thủy triều.

#### b. Dự báo, cảnh báo

Mức nước trên sông Cầu tại trạm Đáp Cầu tiếp tục dao động chịu ảnh hưởng của thủy triều.



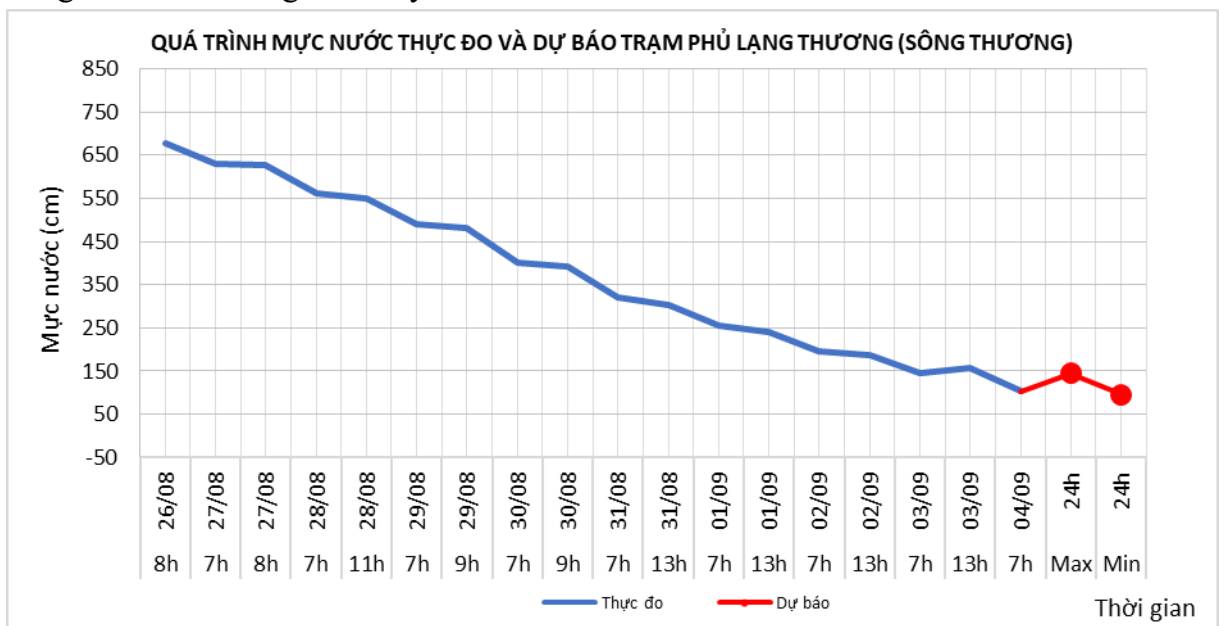
## 2.2. Sông Thương

### a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Mức nước trên sông Thương tại trạm Phủ Lạng Thương đang dao động theo thủy triều.

### b. Dự báo, cảnh báo

Trong 24h tới, mực nước trên sông Thương tại trạm Phủ Lạng Thương tiếp tục dao động chịu ảnh hưởng của thủy triều.



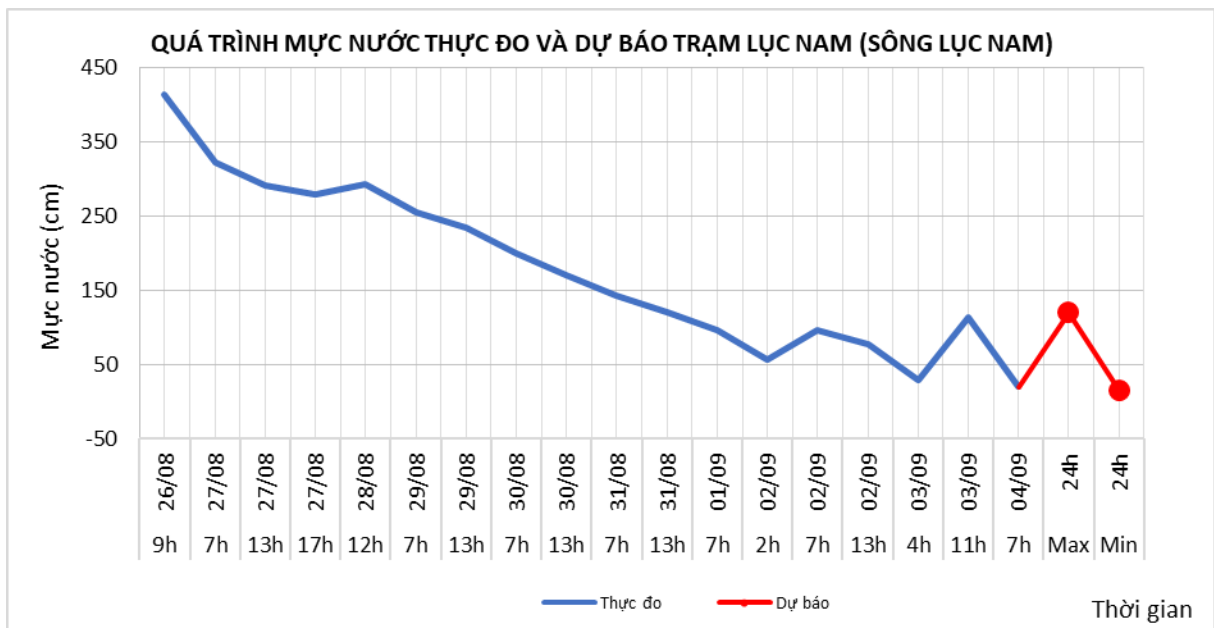
## 2.3. Sông Lục Nam

### a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Mức nước trên sông Lục Nam tại trạm Lục Nam đang dao động theo thủy triều.

### b. Dự báo, cảnh báo

Trong 24 giờ tới, mực nước trên sông Lục Nam tại trạm Lục Nam tiếp tục dao động theo thủy triều.



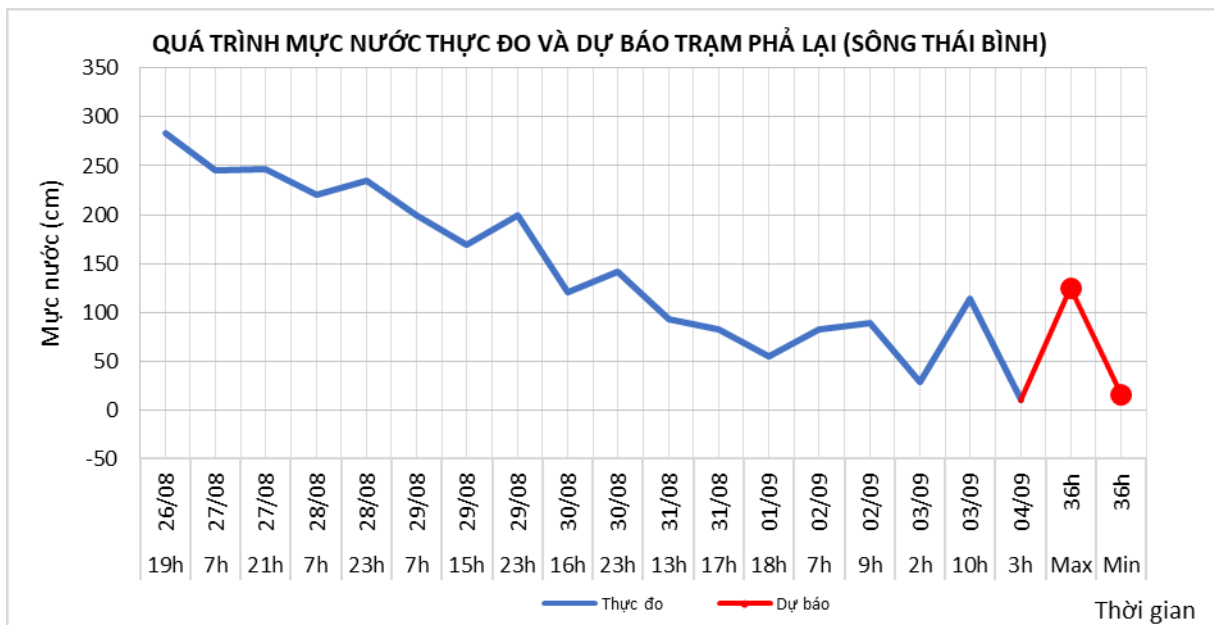
## 2.4. Sông Thái Bình

### a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Mức nước trên sông Thái Bình tại trạm Phả Lại đang dao động chịu ảnh hưởng thủy triều.

### b. Dự báo, cảnh báo

Mức nước trên sông Thái Bình tại trạm Phả Lại tiếp tục dao động chịu ảnh hưởng thủy triều. Trong 36h tới, mức nước tại trạm Phả Lại dự báo cao nhất là 1,25m; thấp nhất là 0,15m.



## 3. Các lưu vực sông thuộc khu vực Bắc Trung Bộ

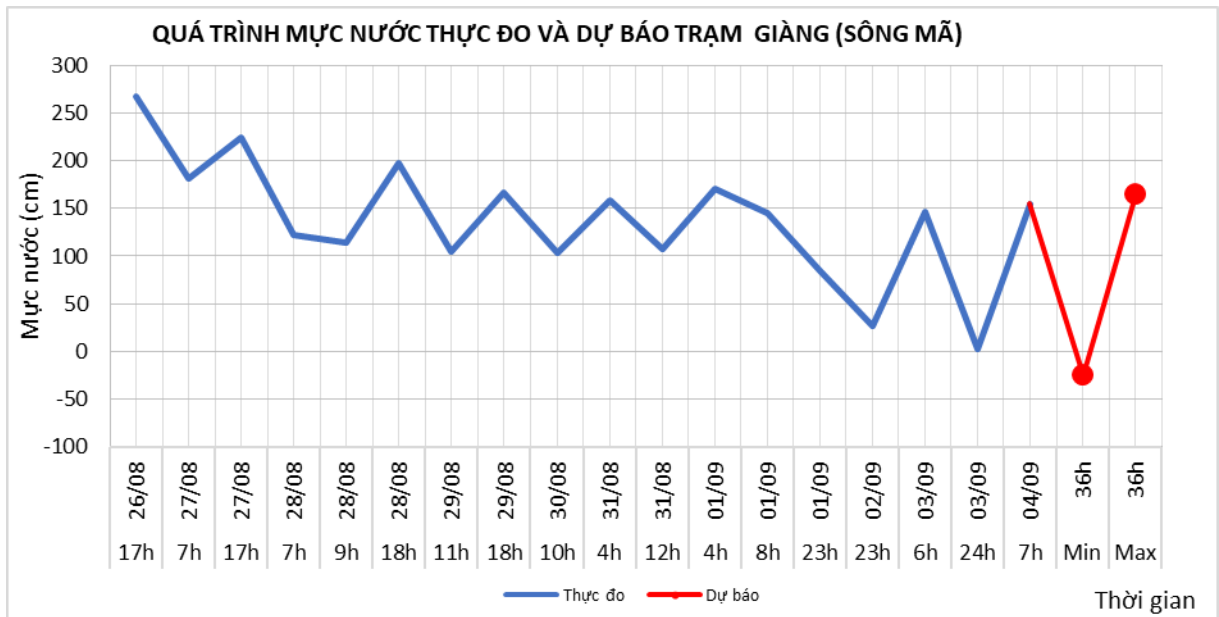
### 3.1. Sông Mã

#### a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Mức nước thượng lưu sông Mã biến đổi chậm, trung lưu dao động theo điều tiết hồ chứa, hạ lưu tại trạm Giàng dao động theo triều.

*b. Dự báo, cảnh báo*

Mức nước thượng lưu sông Mã biến đổi chậm, trung lưu dao động theo điều tiết hồ chứa, hạ lưu tại trạm Giăng dao động theo triều.



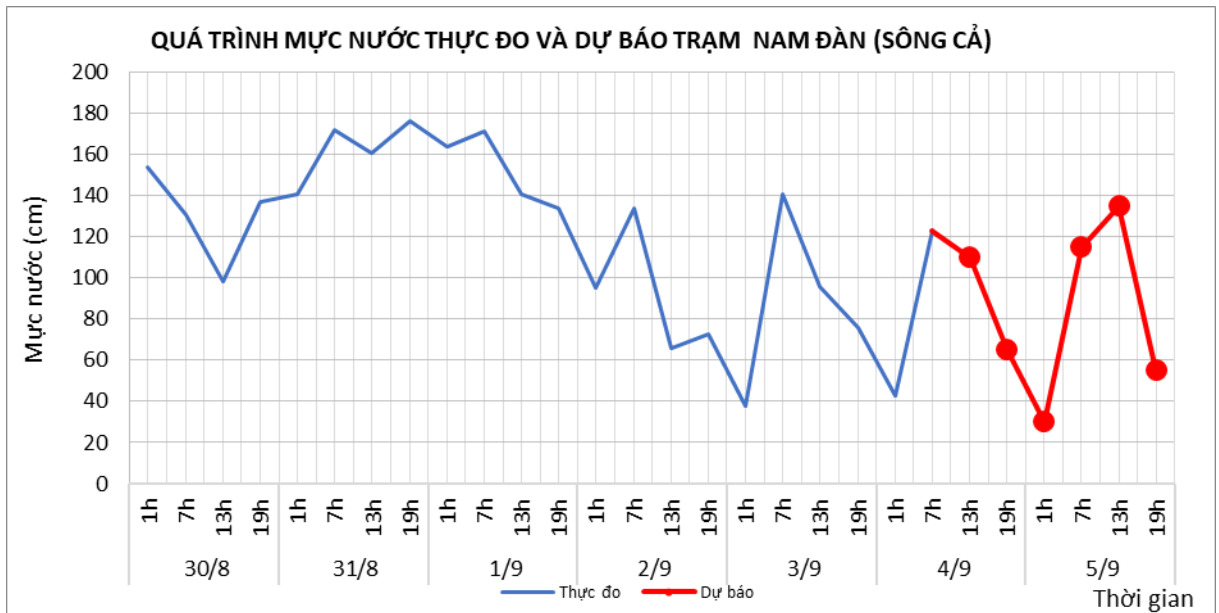
### 3.2. Sông Cả

*a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua*

Mức nước thượng lưu đang xuống, trung lưu có dao động theo điều tiết hồ chứa, hạ lưu dao động theo triều.

*b. Dự báo, cảnh báo*

Mức nước thượng lưu tiếp tục xuống; trung lưu dao động theo điều tiết hồ chứa, hạ lưu dao động theo triều.



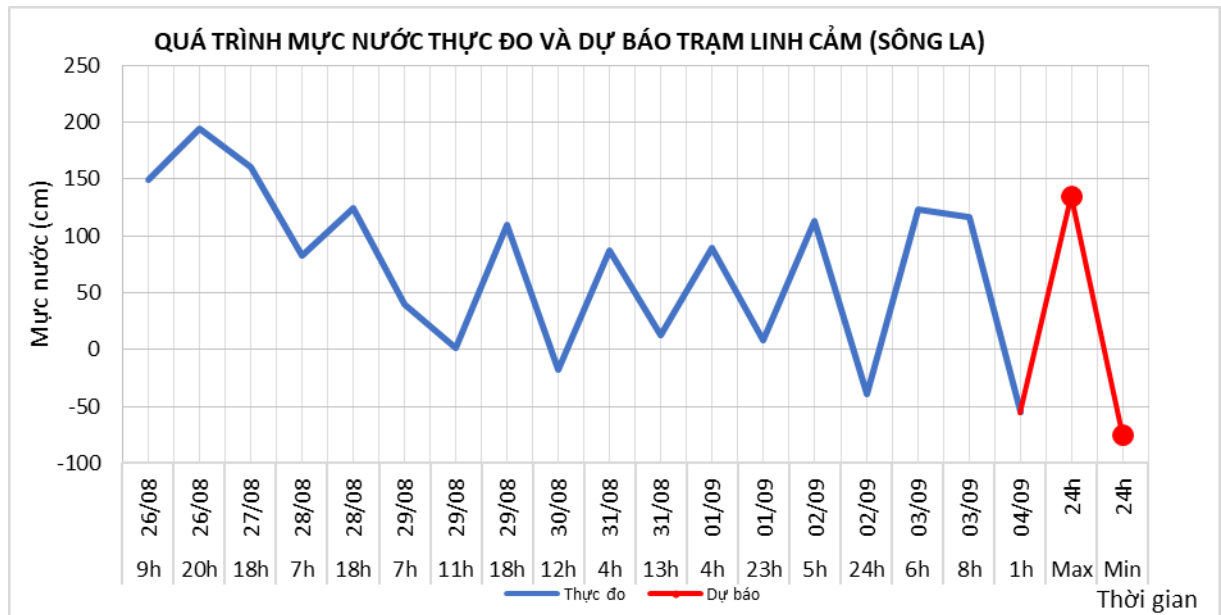
### 3.3. Sông La

*a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua*

Mức nước sông Ngàn Sâu, Ngàn Phố biến đổi chậm, hạ lưu sông La dao động theo triều.

*b. Dự báo, cảnh báo*

Mực nước sông Ngàn Sâu, Ngàn Phố biến đổi chậm, hạ lưu sông La dao động theo triều.



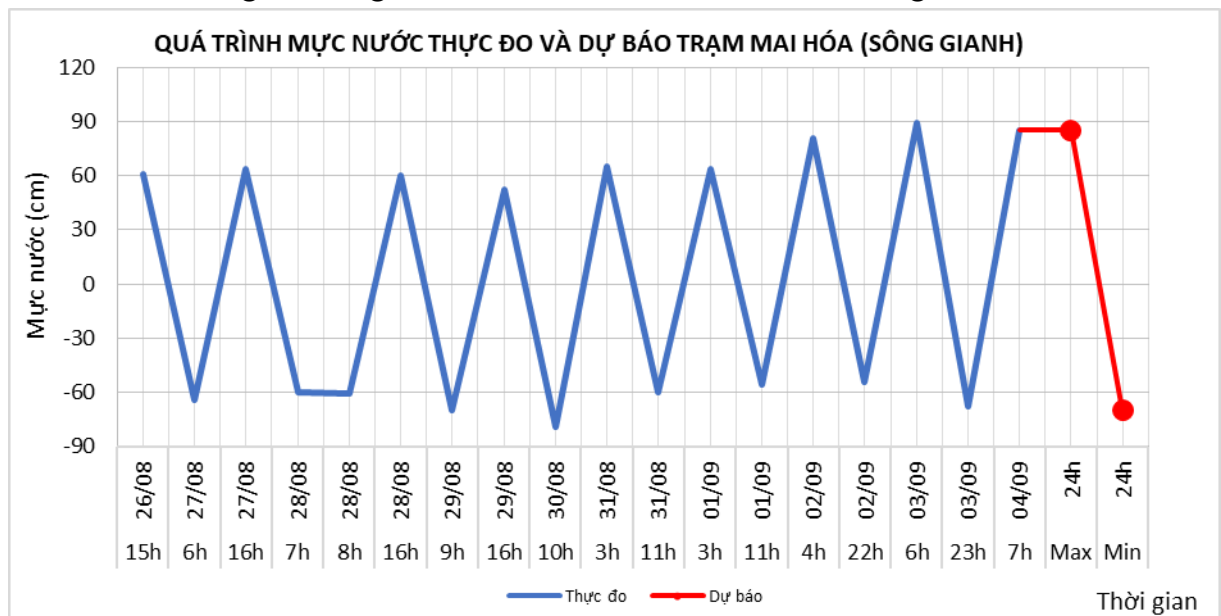
### 3.4. Sông Gianh

*a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua*

Mực nước thượng lưu sông Gianh biến đổi chậm, hạ lưu dao động theo triều.

*b. Dự báo, cảnh báo*

Mực nước thượng lưu sông Gianh biến đổi chậm, hạ lưu dao động theo triều.



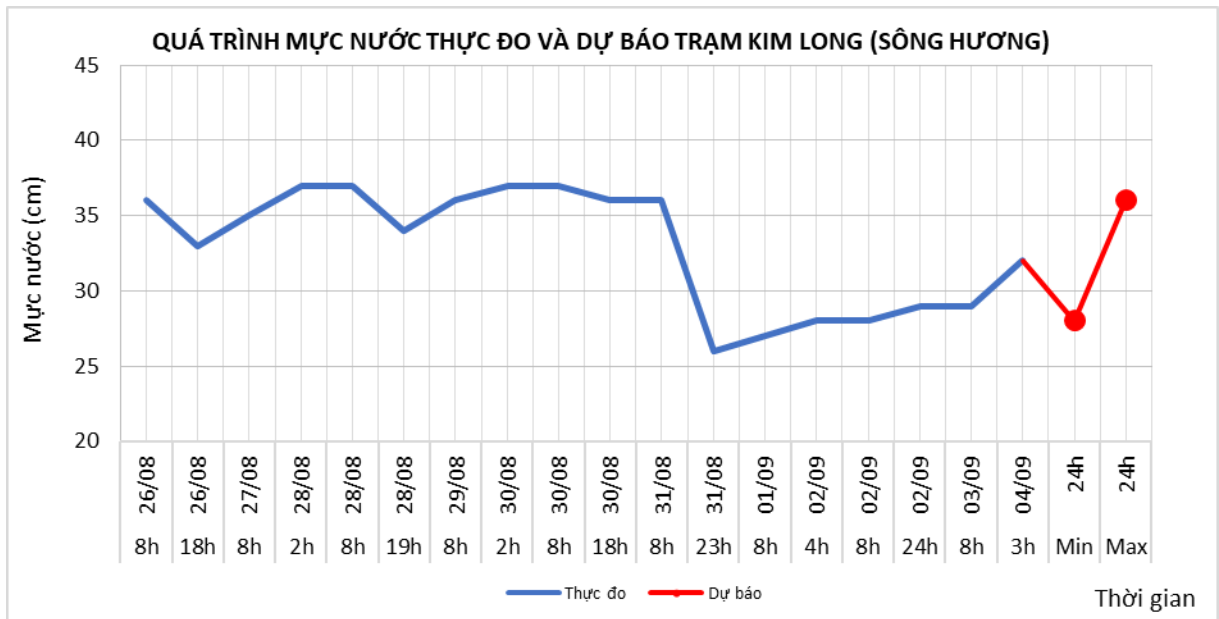
### 3.5. Sông Hương

*a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua*

Mực nước trên sông Hương biến đổi chậm.

*b. Dự báo, cảnh báo*

Mực nước trên sông Hương sẽ dao động.



#### 4. Các lưu vực sông thuộc khu vực Nam Trung Bộ

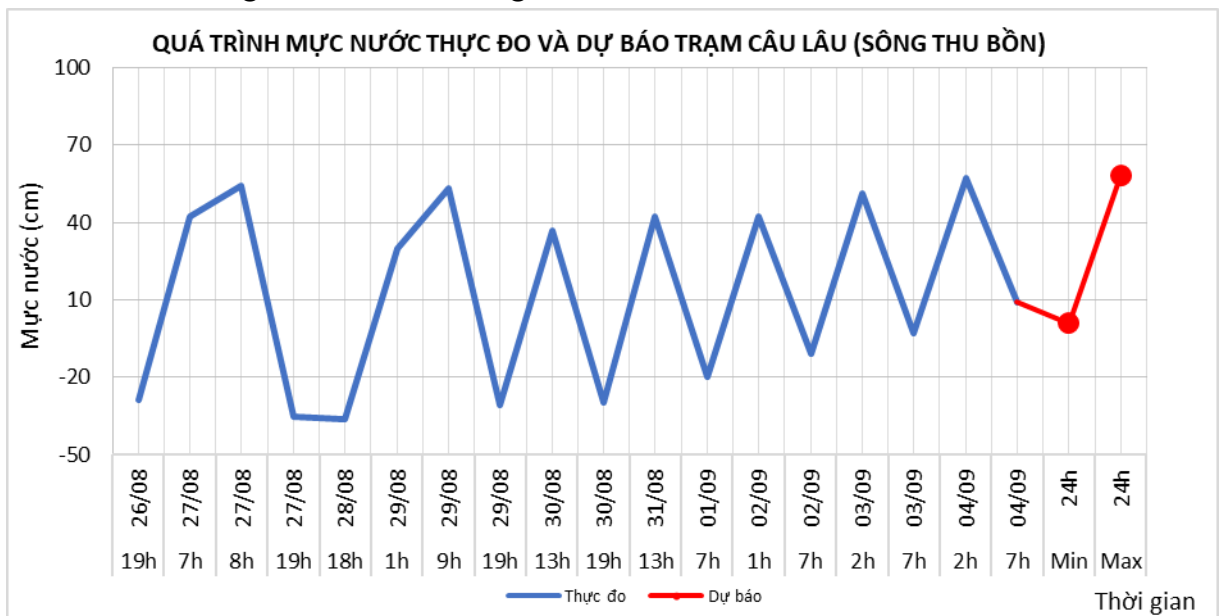
##### 4.1. Sông Vu Gia Thu Bồn

a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Mức nước trên sông Vu Gia và trung, thượng lưu Thu Bồn biến đổi chậm, hạ lưu sông Thu Bồn dao động theo triều.

b. Dự báo, cảnh báo

Mức nước trên sông Vu Gia và trung, thượng lưu sông Thu Bồn tiếp tục biến đổi chậm, hạ lưu sông Thu Bồn dao động theo triều.



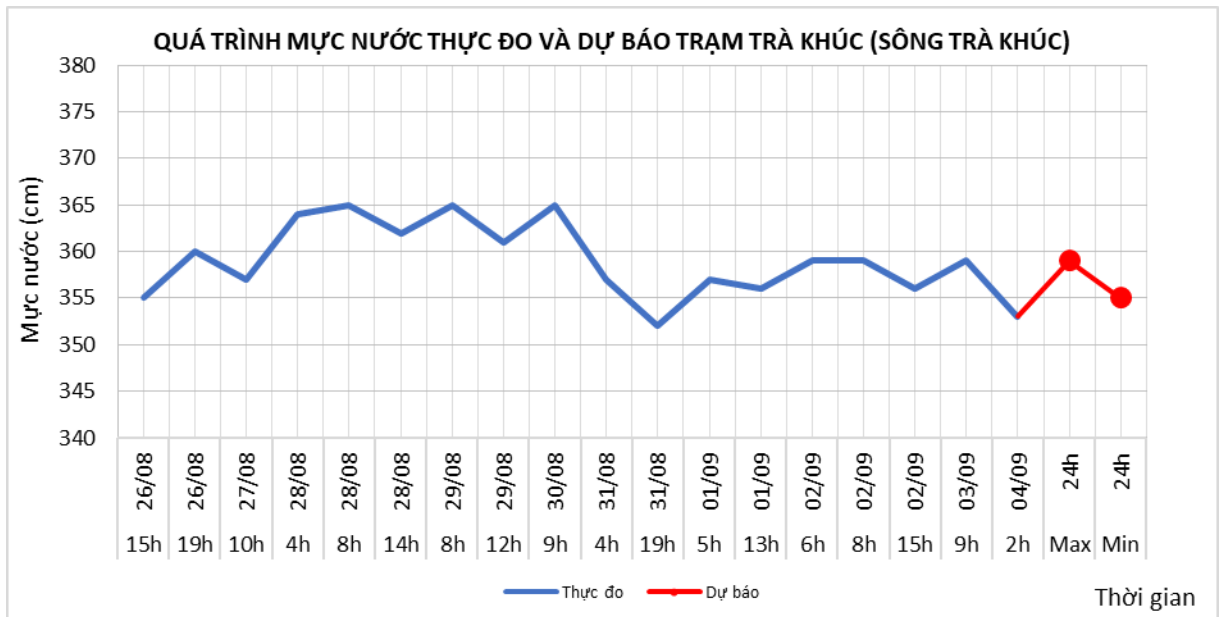
##### 4.2. Sông Trà Khúc

a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Mức nước sông Trà Khúc đang dao động.

b. Dự báo, cảnh báo

Mức nước sông Trà Khúc tiếp tục dao động.



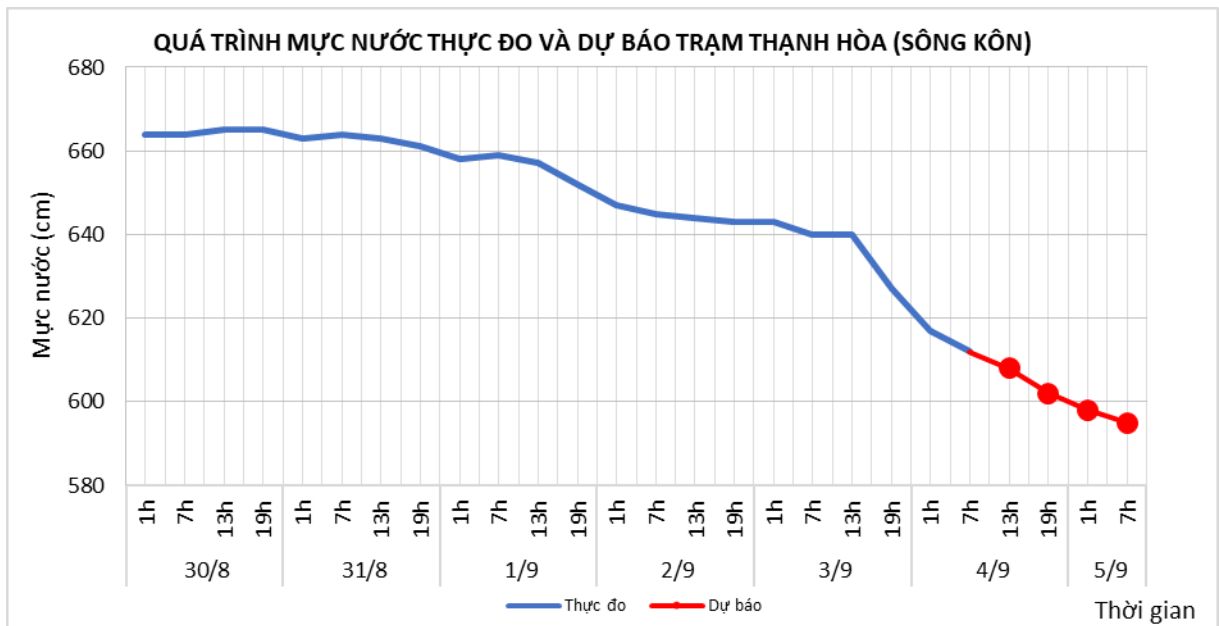
### 4.3. Sông Kôn

#### a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Mức nước sông Kôn tại trạm Thanh Hòa dao động theo vận hành của công trình thủy lợi.

#### b. Dự báo, cảnh báo

Mức nước trên sông Kôn tại trạm Thanh Hòa tiếp tục dao động theo vận hành của công trình thủy lợi.



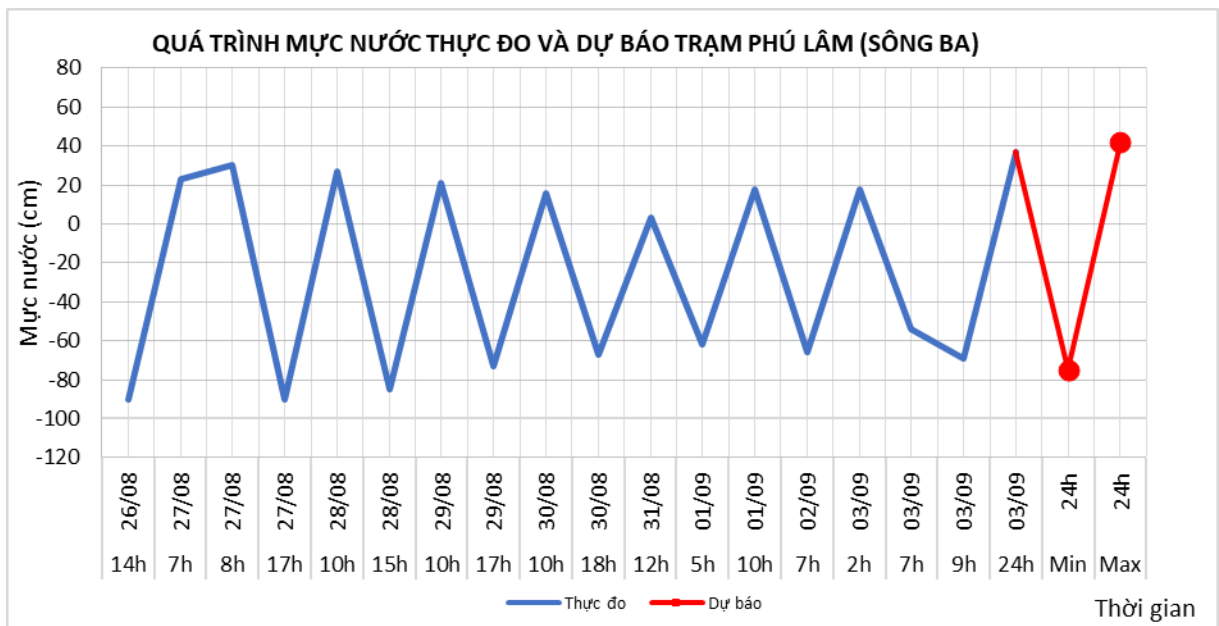
### 4.4. Sông Ba

#### a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Mức nước hạ lưu sông Ba dao động do chịu ảnh hưởng của điều tiết thủy điện tuyến trên và thủy triều.

#### b. Dự báo, cảnh báo

Mức nước hạ lưu sông Ba tiếp tục dao động do chịu ảnh hưởng của điều tiết thủy điện tuyến trên và thủy triều.



## 5. Các lưu vực sông thuộc khu vực Đông Nam Bộ

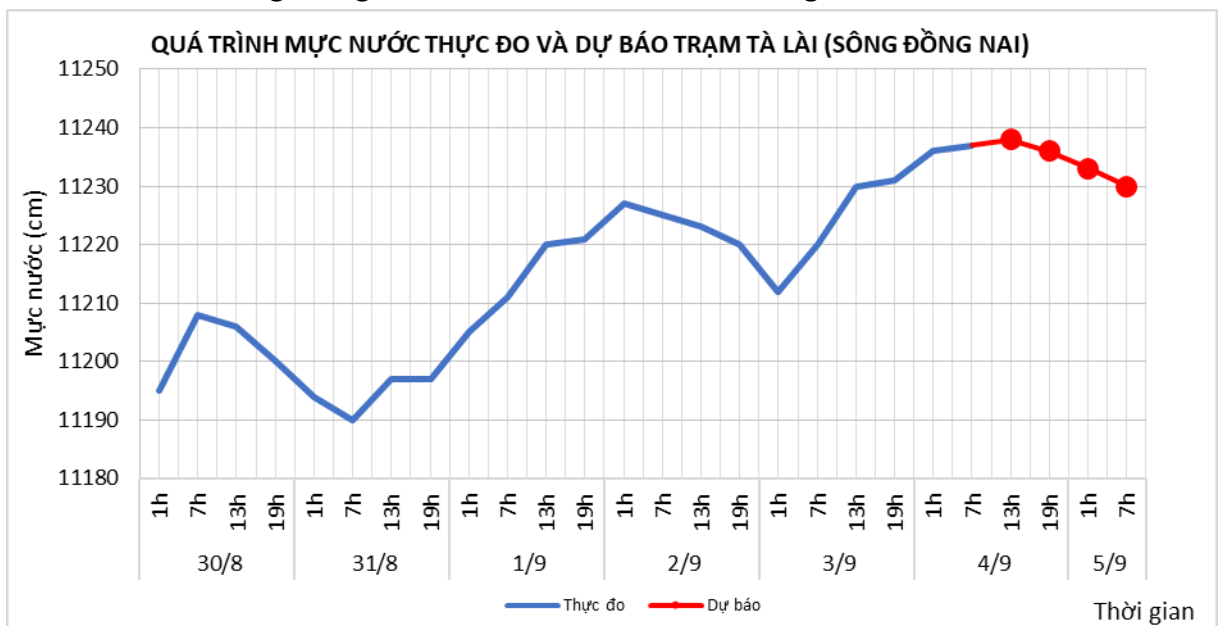
### 5.1. Sông Đồng Nai

#### a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Mức nước trên sông Đồng Nai đang lên chậm và dao động ở dưới mức báo động (BD)2. Lúc 07h/04/9, mức nước tại trạm Tà Lài là 112,37m, dưới BD2 0,13m.

#### b. Dự báo, cảnh báo

Mức nước trên sông Đồng Nai tại trạm Tà Lài sẽ dao động ở mức BD1-BD2



### 5.2. Sông Bé

#### a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

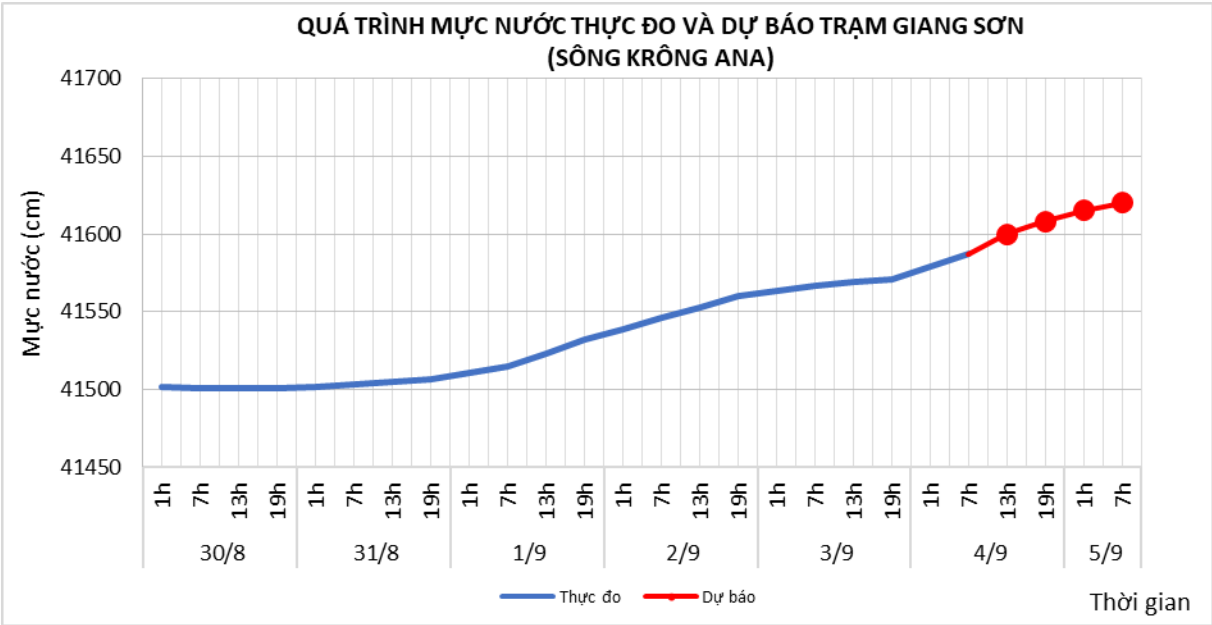
Mức nước trên sông Bé tại trạm Phước Hòa dao động theo điều tiết của thủy điện phía thượng lưu.

#### b. Dự báo, cảnh báo

Mức nước trên sông Bé tại trạm Phước Hòa tiếp tục dao động theo điều tiết của hồ thủy điện thượng lưu.



điều tiết của hồ chứa thủy điện thượng nguồn.



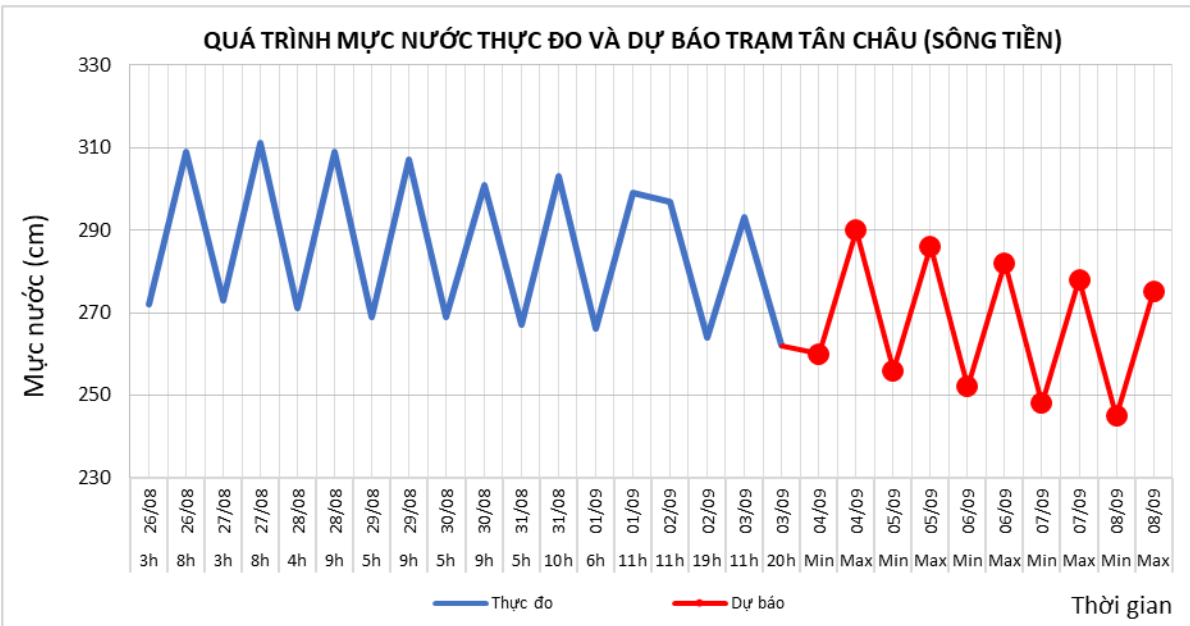
### 6.3. Sông Cũ Long

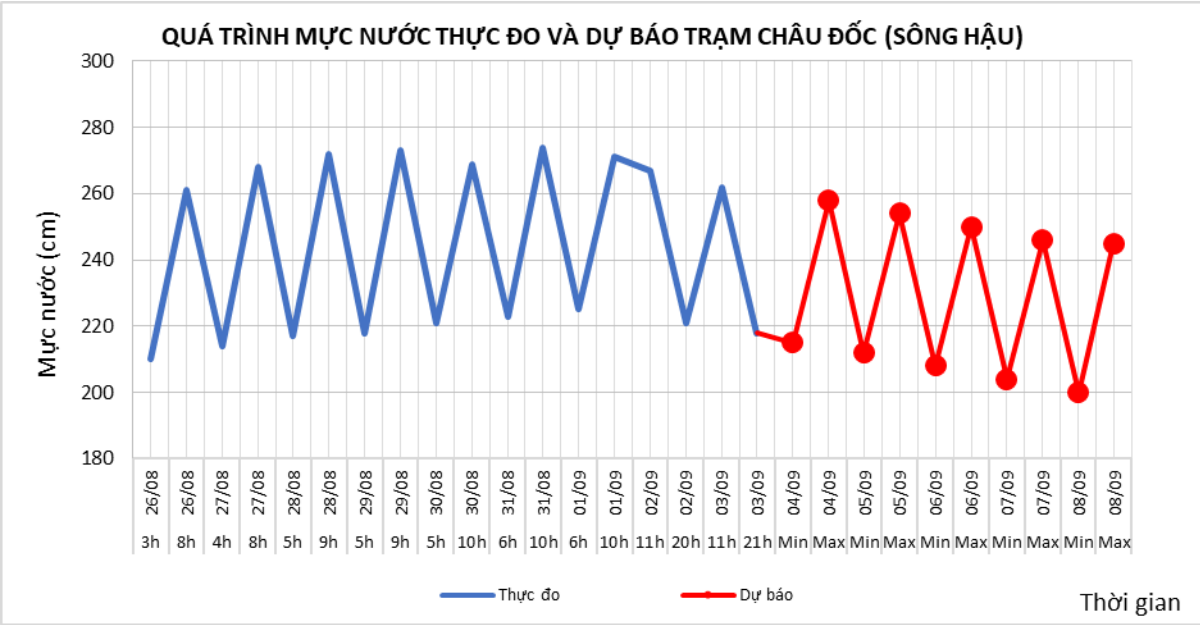
#### a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Mức nước đầu nguồn sông Cũ Long đang dao động theo triều. Mức nước cao nhất ngày 03/9 trên sông Tiền tại trạm Tân Châu 2,93m, trên sông Hậu tại trạm Châu Đốc 2,62m.

#### b. Dự báo, cảnh báo

Mức nước đầu nguồn sông Cũ Long biến đổi chậm với xu thế xuống theo triều. Đến ngày 08/9, mức nước cao nhất ngày trên sông Tiền tại trạm Tân Châu ở mức 2,75m; trên sông Hậu tại trạm Châu Đốc ở mức 2,45m.





II. Bảng mực nước, lưu lượng thực đo và dự báo các trạm

| Sông      | Trạm            | Mực nước thực đo (cm) |           |          |          | Mực nước dự báo (cm) |    |           |    |          |    |          |    |           |    |           |    |          |    |          |    |
|-----------|-----------------|-----------------------|-----------|----------|----------|----------------------|----|-----------|----|----------|----|----------|----|-----------|----|-----------|----|----------|----|----------|----|
|           |                 | 13h-03/09             | 19h-03/09 | 1h-04/09 | 7h-04/09 | 13h-04/09            |    | 19h-04/09 |    | 1h-05/09 |    | 7h-05/09 |    | 13h-05/09 |    | 19h-05/09 |    | 1h-06/09 |    | 7h-06/09 |    |
| Đà        | Hồ Hòa Bình (*) | 2528                  | 2891      | 1301     | 775      | 800                  | ⬆️ | 2500      | ⬆️ | 1200     | ⬇️ | 700      | ⬇️ |           |    |           |    |          |    |          |    |
| Thao      | Yên Bái         | 2569                  | 2564      | 2555     | 2546     | 2545                 | ⬇️ | 2540      | ⬇️ | 2540     | ➡️ | 2535     | ⬇️ |           |    |           |    |          |    |          |    |
| Thao      | Phú Thọ         | 1267                  | 1258      | 1252     | 1251     | 1250                 | ⬇️ | 1245      | ⬇️ | 1245     | ➡️ | 1240     | ⬇️ |           |    |           |    |          |    |          |    |
| Lô        | Tuyên Quang     | 1279                  | 1309      | 1292     | 1299     | 1500                 | ⬆️ | 1530      | ⬆️ | 1500     | ⬇️ | 1485     | ⬇️ |           |    |           |    |          |    |          |    |
| Lô        | Vụ Quang        | 519                   | 518       | 517      | 536      | 530                  | ⬇️ | 535       | ⬆️ | 650      | ⬆️ | 685      | ⬆️ |           |    |           |    |          |    |          |    |
| Hồng      | Hà Nội          | 146                   | 130       | 107      | 108      | 140                  | ⬆️ | 130       | ⬇️ | 105      | ⬇️ | 100      | ⬇️ | 140       | ⬆️ | 135       | ⬇️ | 100      | ⬇️ | 105      | ⬆️ |
| Cả        | Nam Đàn         | 96                    | 76        | 43       | 123      | 110                  | ⬇️ | 65        | ⬇️ | 30       | ⬇️ | 115      | ⬆️ | 135       | ⬆️ | 55        | ⬇️ |          |    |          |    |
| Kôn       | Thanh Hòa       | 640                   | 627       | 617      | 612      | 608                  | ⬇️ | 602       | ⬇️ | 598      | ⬇️ | 595      | ⬇️ |           |    |           |    |          |    |          |    |
| Đồng Nai  | Tà Lài          | 11230                 | 11231     | 11236    | 11237    | 11238                | ⬆️ | 11236     | ⬇️ | 11233    | ⬇️ | 11230    | ⬇️ |           |    |           |    |          |    |          |    |
| Bé        | Phước Hòa       | 2160                  | 2166      | 2221     | 2268     | 2220                 | ⬇️ | 2175      | ⬇️ | 2210     | ⬆️ | 2250     | ⬆️ |           |    |           |    |          |    |          |    |
| Đăkbla    | Kon Tum         | 51574                 | 51569     | 51566    | 51576    | 51582                | ⬆️ | 51574     | ⬇️ | 51567    | ⬇️ | 51577    | ⬆️ |           |    |           |    |          |    |          |    |
| Krông Ana | Giang Sơn       | 41567                 | 41571     | 41575    | 41587    | 41600                | ⬆️ | 41608     | ⬆️ | 41615    | ⬆️ | 41620    | ⬆️ |           |    |           |    |          |    |          |    |

Ghi chú: (\*): Q m³/s

| Sông      | Trạm            | Thực đo 24h và 36h qua (cm) |    |                    |    | Dự báo 24h và 36h tới (cm) |    |                    |    |
|-----------|-----------------|-----------------------------|----|--------------------|----|----------------------------|----|--------------------|----|
|           |                 | Mực nước cao nhất           |    | Mực nước thấp nhất |    | Mực nước cao nhất          |    | Mực nước thấp nhất |    |
| Cầu       | Đáp Cầu         | 143                         | ⬇️ | 89                 | ⬇️ | 145                        | ⬆️ | 90                 | ⬆️ |
| Thương    | Phủ Lạng Thương | 158                         | ⬇️ | 103                | ⬆️ | 145                        | ⬇️ | 95                 | ⬇️ |
| Lục Nam   | Lục Nam         | 114                         | ⬆️ | 20                 | ⬆️ | 120                        | ⬆️ | 15                 | ⬇️ |
| Thái Bình | Phả Lại (**)    | 114                         | ⬆️ | 10                 | ⬇️ | 125                        | ⬆️ | 15                 | ⬆️ |
| Mã        | Giàng (**)      | 155                         | ⬆️ | 3                  | ⬇️ | 165                        | ⬆️ | -25                | ⬇️ |
| La        | Linh Cảm        | 117                         | ⬇️ | -55                | ⬇️ | 135                        | ⬆️ | -75                | ⬇️ |
| Gianh     | Mai Hóa         | 85                          | ⬇️ | -68                | ⬇️ | 85                         | ➡️ | -70                | ⬇️ |
| Hương     | Kim Long        | 32                          | ⬆️ | 29                 | ⬆️ | 36                         | ⬆️ | 28                 | ⬇️ |
| Thu Bồn   | Câu Lâu         | 57                          | ⬆️ | 9                  | ⬆️ | 58                         | ⬆️ | 1                  | ⬇️ |
| Trà Khúc  | Trà Khúc        | 359                         | ➡️ | 353                | ⬇️ | 359                        | ➡️ | 355                | ⬆️ |
| Đà Rằng   | Phú Lâm         | 37                          | ⬆️ | -69                | ⬇️ | 42                         | ⬆️ | -75                | ⬇️ |

Ghi chú: Các trạm (\*\*) lấy giá trị thực đo 36 giờ qua và dự báo 36 giờ tới

| Sông      | Trạm     | Mức nước cao nhất ngày |   |        |   |       |   |       |   |       |   | Mức nước thấp ngày |   |        |   |       |   |       |   |       |   |       |   |       |   |
|-----------|----------|------------------------|---|--------|---|-------|---|-------|---|-------|---|--------------------|---|--------|---|-------|---|-------|---|-------|---|-------|---|-------|---|
|           |          | Thực đo                |   | Dự báo |   |       |   |       |   |       |   | Thực đo            |   | Dự báo |   |       |   |       |   |       |   |       |   |       |   |
|           |          |                        |   | 03/09  |   | 04/09 |   | 05/09 |   | 06/09 |   |                    |   | 07/09  |   | 08/09 |   | 03/09 |   | 04/09 |   | 05/09 |   | 06/09 |   |
| Sông Tiền | Tân Châu | 293                    | ↓ | 290    | ↓ | 286   | ↓ | 282   | ↓ | 278   | ↓ | 275                | ↓ | 262    | ↑ | 260   | ↓ | 256   | ↓ | 252   | ↓ | 248   | ↓ | 245   | ↓ |
| Sông Hậu  | Châu Đốc | 262                    | ↓ | 258    | ↓ | 254   | ↓ | 250   | ↓ | 246   | ↓ | 245                | ↓ | 218    | ↑ | 215   | ↓ | 212   | ↓ | 208   | ↓ | 204   | ↓ | 200   | ↓ |

Thời gian ban hành bản tin tiếp theo: 10h30’ ngày 05/09

Tin phát lúc: 10h30’

Người chịu trách nhiệm  
ban hành bản tin



Phùng Tiến Dũng